

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**



**GIẤY PHÉP THĂM DÒ  
KHOÁNG SẢN**

Số: 337/GP-UBND

Ngày cấp: 12 tháng 4 năm 2019

## GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;  
Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản và Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT;

Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật về công tác thăm dò cát, sỏi lòng sông và đất, đá làm vật liệu san lấp;

Căn cứ Quyết định số 71/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Xét Đơn ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Công ty TNHH Đầu tư xây dựng khai thác khoáng sản Thái Sơn (kèm theo hồ sơ);

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 163/TTr-STNMT ngày 08 tháng 4 năm 2019 (kèm theo Hồ sơ, Biên bản họp Hội đồng thẩm định Đề án thăm dò khoáng sản ngày 13/3/2019),

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Công ty TNHH Đầu tư xây dựng khai thác khoáng sản Thái Sơn được thăm dò khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại vị trí 1 - thôn 1, thôn 2 xã Tân Lập và thôn 10, thôn 11 xã Đăk Ruông, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum (số hiệu quy hoạch 139).

- Diện tích khu vực thăm dò: 05 ha, được giới hạn bởi các điểm khép góc có tọa độ xác định theo Phụ lục 01 và Bản đồ khu vực thăm dò kèm theo Giấy phép này.



- Thời hạn thăm dò: 12 (mười hai) tháng kể từ ngày ký Giấy phép.
- Khối lượng công tác thăm dò: Theo Đề án thăm dò đã được Hội đồng thăm định Đề án thăm dò khoáng sản tỉnh Kon Tum thăm định và thông qua.
- Chi phí thăm dò: 268.354.645 đồng, bằng nguồn vốn của Công ty TNHH Đầu tư xây dựng khai thác khoáng sản Thái Sơn (đơn giá áp dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước).

**Điều 2.** Công ty TNHH Đầu tư xây dựng khai thác khoáng sản Thái Sơn:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Lựa chọn tổ chức có năng lực tiến hành thi công công tác thăm dò theo quy định tại Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016, Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ và Thông tư số 17/2012/TT-BTNMT ngày 29 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về điều kiện tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản. Thực hiện thăm dò khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường theo phương pháp và khối lượng của Đề án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum chấp thuận và theo các quy định khác của pháp luật có liên quan; thi công các hạng mục công việc đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường; thu thập và tổng hợp đầy đủ, chính xác các tài liệu, kết quả thăm dò; kiểm tra và chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng và tính trung thực của tài liệu thực tế thi công; bảo quản lưu giữ đầy đủ các tài liệu nguyên thủy, tài liệu thực tế có liên quan và các mẫu vật địa chất, khoáng sản theo quy định hiện hành.

3. Thông báo kế hoạch, thời gian triển khai thi công các hạng mục công tác thăm dò cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum; chịu sự kiểm tra, giám sát quá trình thi công hệ phương pháp kỹ thuật và các hạng mục công việc của đề án của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum.

4. Tiến hành phân tích các loại mẫu tại các cơ sở đạt tiêu chuẩn VILAS, LAS-XD; làm rõ chất lượng, trữ lượng cát làm vật liệu xây dựng thông thường cho mục đích sử dụng. Trước khi tiến hành lấy mẫu công nghệ, phải đăng ký khối lượng, vị trí, thời gian, phương pháp lấy mẫu tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum để kiểm tra ngoài thực địa và giám sát thực hiện.

5. Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ theo quy định hiện hành.

6. Trình thăm định, xét duyệt báo cáo kết quả thăm dò tại Sở Tài nguyên và Môi trường; nộp báo cáo vào Lưu trữ theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Hoạt động thăm dò khoáng sản theo Giấy phép này, Công ty TNHH Đầu tư xây dựng khai thác khoáng sản Thái Sơn chỉ được phép thực hiện sau khi thông báo chương trình và khối lượng thăm dò cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum và chính quyền địa phương để phối hợp quản lý, kiểm tra và xác định cụ thể diện tích, tọa độ, mốc giới khu vực thăm dò tại thực địa.

- Giao Sở Tài nguyên và Môi trường: Triển khai công tác giám sát thi công Đề án thăm dò khoáng sản theo quy định Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016, Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Thông tư số



44/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016; Sao gửi Giấy phép này đến các đơn vị liên quan (*Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Cục Kiểm soát Hoạt động Khoáng sản miền Trung, Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy, Ủy ban nhân dân xã Tân Lập, Ủy ban nhân dân xã Đăk Ruồng*) để biết, quản lý, theo dõi và phối hợp quản lý./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh Kon Tum (bản chính);
- Sở Tài nguyên và Môi trường (bản chính);
- Công ty TNHH Đầu tư xây dựng khai thác khoáng sản Thái Sơn (bản chính);
- Lưu: VT, NNTN6.

*u*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Ngọc Tuấn**



**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC  
THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Giấy phép thăm dò số 337/GP-UBND  
ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

-----

Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000	
	<i>Kinh tuyến trục 107<sup>o</sup>30', múi chiếu 3<sup>o</sup></i>	
	X (m)	Y (m)
1	1.598.655	574.166
2	1.598.683	574.205
3	1.598.500	574.367
4	1.598.230	574.540
5	1.598.136	574.512
6	1.597.737	574.143
7	1.597.760	574.114
8	1.598.158	574.475
9	1.598.230	574.485
10	1.598.500	574.315
<b>Diện tích: 05 ha</b>		

u